Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0303.45.90

Mã HS	0303.45.90
Mô tả hàng hóa	Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá ngừ đại dương (thuộc giống Thunus), cá ngừ vằn (cá ngừ sọc dưa) (Katsuwonus pelamis), trừ các phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0303.91 đến 0303.99: / - - Cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương và Thái Bình Dương (Thunnus thynnus, Thunnus orientalis): / - - - Cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (Thunnus orientalis)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 12:17:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03034590/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	21	21%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K387
Thuế NK ưu đãi (MFN)	14	14%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N387
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q387
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ387
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, MY)	0% (trừ ID, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E381
ATIGA	2022	2022	0	AT!E382
ATIGA	2023	2023	0	AT!F382
ATIGA	2024	2024	0	AT!G382
ATIGA	2025	2025	0	AT!H382
ATIGA	2026	2026	0	AT!I382
ATIGA	2027	2027	0	AT!J382
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E384
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F384
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G384
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H384

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I384
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J384
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E382
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F382
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G382
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H382
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I382
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J382
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F382
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H381
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F384
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G384
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H384
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I384
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J384
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K384
VKFTA	2022	2022	0	VK!E382
VKFTA	2023	2023	0	VK!F382
VKFTA	2024	2024	0	VK!G382
VKFTA	2025	2025	0	VK!H382
VKFTA	2026	2026	0	VK!I382
VKFTA	2027	2027	0	VK!J382
VCFTA	2022	2022	4	VC!D383
VCFTA	2023	2023	2	VC!E383
VCFTA	2024	2024	0	VC!F383
VCFTA	2025	2025	0	VC!G383

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H383
VCFTA	2027	2027	0	VC!I383
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D384
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E384
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F384
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G384
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H384
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I384
AHKFTA	2022	2022	8	AKH!D383
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E383
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F383
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G383
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H383
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I383
EVFTA	2022	2022	3,5	EV-NK!D381
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E381
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F381
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G381
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H381
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I381
UKVFTA	2022	2022	3,5	UKV!D383
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E383
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F383
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G383
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H383
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I383

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D383
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E383
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F383
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G383
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H383
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I383
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J383
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D382
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E382
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F382
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G382
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H382
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I382
RCEP B	2022	2022	0	B!D382
RCEP B	2023	2023	0	B!E382
RCEP B	2024	2024	0	B!F382
RCEP B	2025	2025	0	B!G382
RCEP B	2026	2026	0	B!H382
RCEP B	2027	2027	0	B!I382
RCEP C	2022	2022	0	C!D382
RCEP C	2023	2023	0	C!E382
RCEP C	2024	2024	0	C!F382
RCEP C	2025	2025	0	C!G382
RCEP C	2026	2026	0	C!H382
RCEP C	2027	2027	0	C!I382
RCEP D	2022	2022	0	D!D382

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E382
RCEP D	2024	2024	0	D!F382
RCEP D	2025	2025	0	D!G382
RCEP D	2026	2026	0	D!H382
RCEP D	2027	2027	0	D!I382
RCEP E	2022	2022	0	E!D382
RCEP E	2023	2023	0	E!E382
RCEP E	2024	2024	0	E!F382
RCEP E	2025	2025	0	E!G382
RCEP E	2026	2026	0	E!H382
RCEP E	2027	2027	0	E!I382
RCEP F	2022	2022	0	F!D382
RCEP F	2023	2023	0	F!E382
RCEP F	2024	2024	0	F!F382
RCEP F	2025	2025	0	F!G382
RCEP F	2026	2026	0	F!H382
RCEP F	2027	2027	0	F!I382
VIFTA	2024	2024	*	VI!F364
VIFTA	2025	2025	*	VI!G364
VIFTA	2026	2026	*	VI!H364
VIFTA	2027	2027	*	VI!I364

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0303.45 có 2 dòng thuế; dòng 0303.45.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương (Thunnus orientalis).	0303.45.10 Cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương (Thunnus thynnus)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0303.45.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 14% của mã 0303.45.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N387), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.